

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày: 26-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Lợi.

2. Bà Lại Thị Nguyễn

3. Ông Nguyễn Việt Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: Không) – Số CCCD: 015194007921; sinh ngày 18 tháng 11 năm 1994 tại thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái nay là phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn 1, xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái nay là Tổ dân phố 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Vũ Thị B; chồng Đỗ Thế M, sinh năm 1984; có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13-12-2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo: Ông Trần N và ông Trần Ngọc H1 Đều là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Hà, Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái. (Ông N có mặt; ông H1 vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Pá Xôm, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1972. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai.

+ Chị Nguyễn Thị H3. Có mặt

Địa chỉ: Số nhà 44, ngõ 429, đường Thanh Niên, tổ dân phố Hồng Thắng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2024, Nguyễn Ngọc H nảy sinh ý định đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền. H lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu thấy có một tài khoản nhận làm giả các loại giấy tờ. H đã đặt vấn đề làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và được hướng dẫn liên hệ qua mạng Telegram với một tài khoản có tên “*Long Anh*” được đăng ký bằng số điện thoại 0856729039 để đặt làm giấy tờ giả. H dùng số điện thoại di động 0931664222 của mình đăng ký tài khoản Telegram “*Hoa Ngọc*” để liên lạc với tài khoản “*Long Anh*” và đặt làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 6.000.000 đồng/01 giấy. H gửi thông tin cá nhân của mình cùng 03 ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có 01 ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng H, địa chỉ tại thôn 1, xã Nghĩa Lộ; còn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác có địa chỉ tại tổ Bản Lè, phường Trung Tâm và Bản Chao Hạ, xã Nghĩa Lộ do H tìm được trên mạng xã hội) để đặt làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin thửa đất mang tên của H. Sau đó, tài khoản “*Long Anh*” yêu cầu H thanh toán trước 15.000.000 đồng và thỏa thuận số tiền còn lại sẽ trả khi nhận được giấy chứng nhận. H đã đến phòng giao dịch của ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản theo yêu cầu (nhưng không nhớ số tài khoản và ngân hàng nào). Khoảng một tuần sau, H nhận được bưu phẩm do đơn vị chuyển phát gửi đến bên trong có 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin đúng như H yêu cầu. H thanh toán nốt số tiền 3.000.000 đồng cho người giao hàng.

Sau khi đặt làm giả 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, H đã sử dụng 04 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào tháng 9/2024, H đến gặp bà Hoàng Thị H2 đặt vấn đề vay số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng và sẽ thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ngôi nhà vợ chồng H đang ở, H gửi ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV815691, mang tên Nguyễn Ngọc H, thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ thôn 1, xã Nghĩa Lộ cho bà H2. Do quen biết gia đình H từ trước và thấy thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với địa chỉ nơi cư trú của gia đình H nên bà H2 tin là thật và đến gặp bà Nguyễn Thị V hỏi vay tiền cho H. Bà H2 đề nghị bà V cho H vay 100.000.000 đồng với hình thức đặt cọc mua bán đất, thời hạn 06 tháng, hết hạn vay mà H không trả được tiền thì sẽ trả bằng mảnh đất đặt cọc, nếu bà V không muốn lấy đất thì bà H2 lấy và có trách nhiệm trả tiền cho bà V. Thấy bà H2 bảo đảm khoản vay của H nên bà V đồng ý cho vay với lãi suất là 2%/01 tháng.

Ngày 30-9-2024, bà V chuyển khoản cho bà H2 số tiền 70.000.000 đồng. Bà H2 bảo H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến và làm hợp đồng đặt cọc mua bán đất với số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng cho bà H2. H đưa cho bà H2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV815691 và cam kết chỉ vay trong thời hạn 06 tháng, nếu H không trả được tiền thì sẽ trả đất cho bà H2.

Bà H2 chuyển khoản cho H số tiền 64.800.000 đồng, còn 5.200.000 đồng trừ vào khoản nợ cũ của H. Ngày 03-10-2024, bà V chuyển khoản cho bà H2 số tiền 30.000.000 đồng, bà H2 chuyển khoản luôn số tiền này cho H. Sau khi nhận được số tiền này, H đã sử dụng chi tiêu hết cho bản thân.

Lần thứ 2: Khoảng 10 ngày sau khi vay tiền lần thứ nhất, H tiếp tục gọi điện cho bà H2 nói muốn vay số tiền 400.000.000 đồng để sử dụng vào việc nộp tiền làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với mảnh đất khác của H trong thời hạn 06 tháng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 100m², tại tổ Bản Lè, phường Trung Tâm mang tên H. Để bà H2 tin tưởng, H chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV818239, thửa đất số 598, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ Bản Lè, phường Trung Tâm, đã đặt làm giả từ trước và gửi qua zalo cho bà H2. H còn đưa bà H2 đến khu vực tổ Bản Lè, phường Trung Tâm chỉ cho bà H2 xem mảnh đất tại khu vực này và nói đó là đất của H trong giấy chứng nhận đã gửi cho bà H2. Do tin tưởng, bà H2 đã đến gặp bà V hỏi vay cho H số tiền 400.000.000 đồng và gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do H gửi cho bà V và đưa bà V đến xem mảnh đất mà H đã đưa bà H2 đi xem trước đó. Bà V đồng ý cho vay tiền, nhưng chỉ có số tiền 300.000.000 đồng và thống nhất với bà H2 hình thức vay tiền là đặt cọc mua bán đất, nếu hết hạn vay H không trả được tiền thì phải trả đất cho bà. Bà H2 gọi H đến nhà mình viết 01 hợp đồng đặt cọc mua bán mảnh đất và được H đưa cho 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV818239, địa chỉ thửa đất tại tổ Bản Lè, phường Trung Tâm.

Ngày 11-10-2024, bà V chuyển khoản cho bà H2 số tiền 282.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng đưa bằng tiền mặt. Bà H2 chuyển khoản cho H vay 200.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng bà H2 sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau khi nhận được số tiền này, H đã sử dụng chi tiêu hết cho bản thân.

Lần thứ 3: Ngày 20-11-2024, H lại gọi điện cho bà H2 đặt vấn đề vay số tiền 300.000.000 đồng để sử dụng đầu tư mua đất, thế chấp mảnh đất có diện tích 210,7m² tại Bản Chao Hạ, xã Nghĩa Lợi nay là phường Trung Tâm. H đưa bà H2 đến khu vực Bản Chao Hạ, chỉ vào khu đất trống và nói là đất của H, đồng thời gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV818239, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 22 mang tên Nguyễn Ngọc H cho bà H2. Bà H2 tiếp tục gọi điện cho bà V về việc H tiếp tục muốn vay số tiền 300.000.000 đồng bằng hình thức đặt cọc mảnh đất ở Bản Chao Hạ đứng tên H. Bà V bảo bà H2 đưa H đến gặp bà V.

Ngày 27-11-2024, H đưa cho bà H2 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV818239 và được bà H2 đưa đến nhà bà V. Trên đường đi, bà H2

nói cho H biết việc mình vay thêm bà V 100.000.000 đồng khi đứng ra vay cho H 200.000.000 đồng vào ngày 11-10-2024 và bảo H nếu viết hợp đồng với bà V thì cứ ghi khoản vay trước là 300.000.000 đồng, bà H2 sẽ có trách nhiệm về phần tiền mình vay, H đồng ý. Khi đến nhà bà V, H viết 01 hợp đồng đặt cọc đất đối với mảnh đất tại Bản Chao Hạ, xã Nghĩa Lộ với số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng. Tuy nhiên do không có đủ tiền nên bà V chỉ chuyển khoản cho H vay số tiền 246.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền này, H đã sử dụng chi tiêu hết cho bản thân.

Cùng trong tháng 11/2024, H tiếp tục liên lạc với tài khoản Telegram "Long Anh" đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với số tiền 6.000.000 đồng thì được yêu cầu chuyển tiền thanh toán vào tài khoản 107877261580 mang tên Nguyễn Thị V2, địa chỉ tại thôn An Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ngày 09-12-2024, H đã chuyển tiền đặt cọc 3.000.000 đồng đến số tài khoản trên thì được "Long Anh" cho biết đã gửi cho H qua bưu điện, khi nào nhận được hàng thì thanh toán nốt qua nhân viên giao hàng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, ngày 18-12-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghĩa Lộ đã thu giữ điện tín khẩn cấp tại Bưu điện thị xã Nghĩa Lộ.

Lần thứ 4: H tiếp tục đề nghị bà H2 hỏi bà V cho H vay thêm số tiền 150.000.000 đồng với lý do nộp thuế chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bà H2 đưa H đến gặp bà V, H nói với bà V mảnh đất tại tổ Bản Lè, phường Trung Tâm có giá trị cao nên đề nghị cho H vay thêm vào đó là 150.000.000 đồng, trong thời hạn 02 tháng, H sẽ viết lại hợp đồng đặt cọc là 450.000.000 đồng thì bà V đồng ý.

Ngày 03-12-2024, bà V đưa cho H số tiền 131.500.000 đồng, còn lại 18.500.000 đồng bà V chuyển khoản cho bà H2 nhờ bà H2 chuyển khoản cho Hoa. Sau khi nhận được số tiền này, H đã sử dụng chi tiêu hết cho bản thân.

Do nghi ngờ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đưa là giả, bà H2 đã trình báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản kết luận giám định số 136/KL-KTHS ngày 18-02-2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái nay là Công an tỉnh Lào Cai, đã kết luận:

“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu từ A1 đến A4 gửi giám định là giả”.

Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Ngọc H khai nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức vào khoảng tháng 8/2024 đến khi bị bắt tạm giam ngày 13-12-2024.

Cơ quan điều tra thu giữ: 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ngọc H do bà Nguyễn Thị V giao nộp (gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV818239, số CV815691, số CV818239) và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV819277 mang tên Nguyễn Ngọc H do Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghĩa Lộ thu giữ tại Bưu điện thị xã Nghĩa Lộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone XS Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Redmi 9, đều đã cũ, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Ngọc H.

Bị hại chị Nguyễn Thị V: Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do gia đình bị cáo H đã bồi thường cho chị, bị hại đề nghị bị cáo phải trả cho chị nốt số tiền còn lại là 496.000.000 đồng và bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số: 21/CT-VKS-P2 ngày 26-8-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

* Bị cáo Nguyễn Ngọc H thừa nhận hành vi đã thực hiện như nội dung cáo trạng truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trình bày bản luận tội giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H **12 đến 14** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Hoa **03 đến 04** năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức".

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là **15 đến 18** năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị V số tiền là 496.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu đồng)

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 04 giấy nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Ngọc H, chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone XS Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9, đều đã cũ, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính trong gia đình; hoàn cảnh gia đình có con bị khuyết tật nặng. Sau khi sự việc xảy ra đã thành khẩn khai báo, có bổ đề là người được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại và bị hại làm đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H mức thấp nhất của khung hình phạt là 12 năm tù.

+ Đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức": Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H mức thấp nhất của khung hình phạt là 03 năm tù.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H3 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 200.000.000đồng đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị V.

Bị cáo không tranh luận gì, khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cùng vật chứng thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng tháng 8/2024, bị cáo Nguyễn Ngọc H đã 04 lần sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đặt mua qua tài khoản trên mạng xã hội để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị V tổng số tiền 696.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 30-9-2024, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 11-10-2024, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 20-11-2024, chiếm đoạt số tiền là 246.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 03-12-2024, chiếm đoạt số tiền là 150.000.000 đồng.

Đối với lần 2, H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV818239, thửa đất số 598, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ Bản Lè, phường Trung Tâm để vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 11-10-2024, bà V chuyển khoản cho bà H2 số tiền 282.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng đưa bằng tiền mặt. Bà H2 đã chuyển khoản cho H vay 200.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng bà H2 sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến nay bà H2 đã trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Ngọc H chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Ngọc H thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bà V nhiều lần (04 lần), nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại với số tiền 200.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên vẫn dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của tổ chức và cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Nên cần phải được xử lý nghiêm minh là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, để đảm bảo tính răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị V số tiền 696.000.000 đồng. Xác nhận chị gái của bị cáo là chị Nguyễn Thị H3 đã bồi thường cho bà V số tiền 200.000.000 đồng thay cho bị cáo. Nên bị cáo còn phải bồi thường cho bà V số tiền 496.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H3 không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 200.000.000đồng đã bồi thường cho bà V, nên Hội đồng không xét.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Ngọc H do bà Nguyễn Thị V giao nộp gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV818239, số CV815691, số CV818239 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV819277 mang tên Nguyễn Ngọc H do Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghĩa Lộ thu giữ tại Bưu điện thị xã Nghĩa Lộ. Đây là các tài liệu có liên quan đến việc phạm tội, cần chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone XS Max, đã cũ; 01 điện thoại di động màu xám đen, kiểu máy Redmi 9, đã cũ. Đây là 02 chiếc điện thoại di động bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về các nội dung khác:

Đối với tài khoản tài khoản "Long Anh" trên ứng dụng Telegram có số điện thoại 0856729039 được đăng ký cho chủ thuê bao Phạm Tuấn H4, sinh năm 1976, địa chỉ: số 85, đường Nguyễn Đình Chiểu, tổ 4, khu phố 1, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; từ ngày 01-8-2024 đến ngày 15-12-2024, số điện thoại 0856729039 không phát sinh cuộc gọi, tin nhắn đến bất kỳ số điện thoại nào, xác định H4 không có mặt tại địa phương, không xác định được H4 đang ở đâu. Cơ quan điều tra không khởi tố H4 là có căn cứ.

Đối với tài khoản ngân hàng 107877261580 thuộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được xác định thông tin chủ tài khoản là Nguyễn Thị V2, sinh năm 1985, địa chỉ tại thôn An Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, số căn cước công dân: 034185002019, quá trình điều tra xác minh, bà Nguyễn Thị V2 khai nhận: Năm 2023, khi làm thuê tại Công ty TNHH và KDVL Tuấn Anh, địa chỉ tại thôn An Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, V2 có đăng ký sử dụng 01 tài khoản 107877261580 tại Ngân hàng Viettinbank. Đến tháng 6/2024, V2 nghỉ việc tại Công ty nên không sử dụng tài khoản này nữa. V2 không biết ai đang quản lý, sử dụng tài khoản này. V2 không thừa nhận và trình bày không biết việc Nguyễn Ngọc H chuyển tiền vào tài khoản 107877261580, không giao dịch chuyển giao bưu phẩm gì cho Nguyễn Ngọc H. Nên không có căn cứ khởi tố Nguyễn Thị V2.

Đối với người gửi bưu phẩm cho Nguyễn Ngọc H: Bưu điện thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin, địa chỉ của người gửi bưu phẩm có mã vận đơn ED619161978VN. Tại Công văn số 201/BĐTĐ-KD ngày 14/02/2025 của Bưu điện thành phố Thủ Đức cung cấp: Người gửi là Nguyễn Thị V2, số CCCD: 001192003781, địa chỉ: 453/80/4A, đường Lê Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; tài khoản Ngân hàng nhận tiền

COD: Số tài khoản 107877261580, Ngân hàng VietinBank, chủ tài khoản là Nguyễn Thị V2. Ngày 12/5/2025, Cơ quan CSĐT nghị Công an phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức phối hợp xác minh về Nguyễn Thị V2, số CCCD: 001192003781, địa chỉ: 453/80/4A, đường Lê Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, nhưng không có kết quả. Ngày 05/8/2025, Công an phường Long Bình có biên bản xác minh xác định, tại địa bàn phường Long Bình không có địa chỉ 453/80/4A, đường Lê Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức. Nên không có căn cứ để khởi tố Nguyễn Thị V2.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H **12 (mười hai) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

2.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” là **15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-12-2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị V số tiền là 496.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone XS Max, đã cũ; 01 điện thoại di động màu xám đen, kiểu máy Redmi

9, đã cũ.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 9 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 23.840.000 đồng (Hai ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cq CSĐT, CA tỉnh Lào Cai;
- Phòng HSNV, CA tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam số 2, CAT Lào Cai;
- Bị cáo (Trại Tạm giam số 2);
- Người bào chữa của bị cáo;
- Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tập án; Tiểu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thu Hương

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thu Hương

